

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
Năm báo cáo: 2012



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
- Tên viết tắt : HOM
- Tên tiếng Anh : VICEM HOANG MAI CEMENT JOIN STOCK COMPANY
- Giấy CN KKD: S 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, ngày ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 10 năm 2010, ngày ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 08 năm 2011, ngày ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 04 năm 2012.
- Vốn điều lệ : 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ : Bảy trăm hai triệu đồng)
- Vốn thực thu :



- Tr s : Th tr n Hoàng Mai, huy n Qu nh L u, t nh Ngh An, Vi t Nam
- i n tho i: (84-38) 3 866 170 – 3 217 443 Fax: (84-38) 3 866 648
- Email : sales@ximanghoangmai.com.vn
- Website: www.ximanghoangmai.com.vn
- Mã c phi u : HOM

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tiền thân là Công ty Xi măng Ngh An (tr c thu c UBND t nh Ngh An) c thành l p theo Quy t nh s 2629/Q .UB ngày 07/10/1995 c a UBND t nh Ngh An. Công ty c hình thành làm ch u t D án xi măng Hoàng Mai c Th t ng Chính ph phê duy t t i Quy t nh s 216/Q -TTg ngày 15/4/1996. Nhà máy xi măng có công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm với tổng mức đầu tư 238 triệu USD từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước.

Ngày 09/06/1999, D án xi măng Hoàng Mai tiến hành khởi công công lo t các hạng mục công trình chính thu c dây chuyền sản xuất và sau 32 tháng khởi công xây dựng, ngày 6/3/2002, Nhà máy ã cho ra nh ng t n clinker ưu tiên t ch t l ng t t. Xi măng Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng t i Vi t Nam mà quá trình sản xuất ngay từ ã cho ra nh ng t n clinker t t nh t, không có ph li u trong quá trình hi u ch nh, nghi m thu ch y th nhà máy.

Tr c nh ng òi h i v nhu c u nhân l c nh m áp ng quá trình vận hành nhà máy và công tác sản xuất kinh doanh lâu dài, c s ch p thu n c a Chính ph t i v n b n s 954/CP- MDN ngày 18/10/2000, ngày 30/12/2000, UBND T nh Ngh An và Tổng công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam) ã ký Biên b n bàn giao Công ty Xi măng Ngh An thu c UBND t nh Ngh An tr thành thành viên hạch toán c l p thu c Tổng công ty Xi măng Việt Nam và i tên là Công ty Xi măng Hoàng Mai.

T ngày 01/07/2002, sau quá trình sản xuất thử, Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức đi vào hoạt động với dây chuyền sản xuất xi măng hi n i, các thị t b c cung c p b i Tây Âu và kh i G7. Nhà máy có lò nung với công suất 4.000 tấn clinker/ngày t 100% b ng than Antraxit t i ki m nhiên li u và mang l i hi u qu kinh t cao; ph ng th c kinh doanh áp d ng mô hình bán hàng thông qua h th ng nhà phân ph i chính.

Năm 2006, Công ty Xi măng Hoàng Mai là đơn vị ưu tiên thu hút Công ty Xi măng Việt Nam tham gia thành công với mức tăng 10% năng suất lò nung do Công ty LTV (Thái Lan) tham gia với chi phí đầu tư chỉ hơn 1 triệu USD.

Ngày 09/03/2007 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về việc tham gia cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Công ty xi măng Việt Nam.

Ngày 30/11/2007 Công ty Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 27/02/2008 Hội đồng quản trị Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành Quyết định số 219/QĐ-XMVN về việc tái cấu trúc phân hóa và chuyển Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai.

Ngày 01/04/2008 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn đầu tư 720 triệu đồng trong đó vốn Nhà nước chiếm 170,96% tổng số vốn 510,918 triệu đồng.

Ngày 09/07/2009 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai chính thức niêm yết 72.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HOM.

Theo nghị quyết hội đồng thành viên năm 2011 đã được thông qua, ngày 18/08/2011 Công ty đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

3. Ngành nghề và mô hình kinh doanh

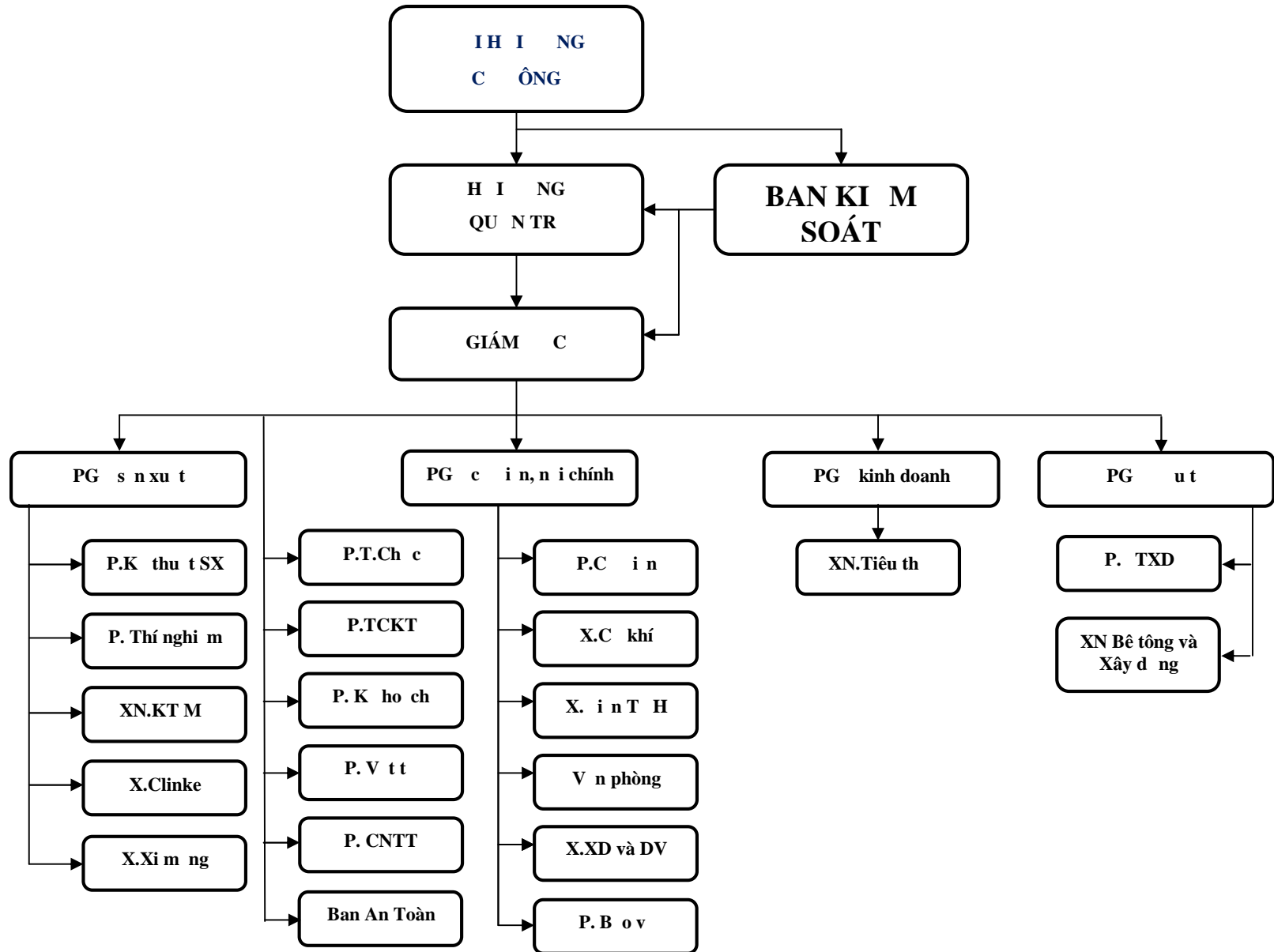
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh xi măng, Clinker và Vật liệu xây dựng.
- Mô hình kinh doanh chính: Các nhà Bê tông Miền Trung (tỉnh Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế)

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp năm 2005, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

S T C H C CÔNG TY CP XI M NG VICEM HOÀNG MAI

(theo Quy t nh s 01/Q .H QT-TC ngày 15/01/2012 c a H QT Công ty CP xi m ng Vicem Hoàng Mai)



- **Đi h i ñg c òng:** Là c quan quy n l c cao nh t c a Công ty. i h i ñg c òng b u ra H QT c a Công ty, H QT là c quan qu n lý cao nh t gi a hai k i h i c òng, có trách nhi m qu n lý và t ch c th c hi n các ngh quy t c a i h i c òng cùng k , có toàn quy n nhân danh công ty, thay m t c òng quy t nh m i v n liên quan n m c ích, quy n l i c a Công ty, tr nh ng v n thu c th m quy n c a i h i c òng c quy nh trong i u l c a Công ty.

- **H i ñg qu n tr :** Th c hi n nhi m v quy n h n c a mình, H i ñg qu n tr t ch c h p nh k m i quý m t l n, ki m i m phân tích ánh giá tình hình s n xu t kinh doanh và các ho t ñng khác c a Công ty, tình hình th c hi n các ngh quy t c a i h i c òng, c th hoá các k ho ch, nhi m v và giao cho T ñng Giám c i u hành t ch c th c hi n.

- **Ban ki m soát:** Do i h i c òng b u ra và ch u trách nhi m tr c các c òng và pháp lu t v nh ng k t qu công vi c c a Ban ki m soát v i Công ty ;

T ch c b máy c a Công ty hi n nay c phân chia theo ch c n ñg g m: 12 phòng, 5 phân x ñng (2 phân x ñng s n xu t chính và 3 phân x ñng ph tr), 03 chi nhánh.

5. nh h ñng phát tri n

5.1 Các m c tiêu ch y u c a Công ty:

- Phát huy th m nh v ti m n ñng ngu n nguyên li u và i u ki n h t ñng phát tri n s n xu t, kinh doanh xi m ñng nh m chi m l nh th ph n c t l ñi (t nh ñng). Tiêu th t i a công su t s n xu t t i các th tr ñng c t l ñi, th tr ñng m c tiêu, th tr ñng ti m n ñng và xu t kh u. m b o hài hòa các l i ích : l i ích cho nhà n c, l i ích cho các nhà u t và l i ích cho ñng i lao ñng, cùng T ñng công ty CN xi m ñng Vi t Nam ph n u a ngành công nghi p xi m ñng tr thành m t ngành công nghi p m i nh n, góp ph n x ñng áng vào s ñng i p xây d ñng và phát tri n kinh t xã h i c a t n c.

- Phát tri n s n ph m m i t ñng doanh thu, l i nhu n và t ñng vi c làm, thu nh p cho ñng i lao ñng.

- u t dây chuy n 2 xi m ñng Hoàng mai v i công su t 12.000 t n clinke/ngà y m r ñng quy mô và tr thành m t trong nh ñng doanh nghi p hàng u v ngành công nghi p xi m ñng.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêu thụ tại các bàn nhà máy, phát triển hệ thống thị trường trên thị trường, nâng cao trình độ kỹ thuật trong khi dân sinh, nâng cao chất lượng, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xi măng Vicem Hoàng Mai các thị trường cạnh tranh và thị trường mới.

- Triển khai và lập kế hoạch vùng nguyên liệu vôi, sét, lập kế hoạch khai thác và dự án công nghệ mới công nghệ Hit tại xã Quỳnh Lập – huyện Quỳnh Lưu – tỉnh Nghệ An (cách Công ty khoảng 10km) tiếp tục tiến hành thi công các hạng mục Dự án dây chuyền Xi măng Vicem Hoàng Mai 2 có công suất 12.000 tấn clinker/ngày tiếp tục đầu tư 4,5 triệu USD/năm và tiếp tục đầu tư dự kiến 650 triệu USD.

- Tiếp tục nghiên cứu sản xuất kinh doanh các dây chuyền sản xuất xi măng VLXD, gạch block, bê tông cốt thép và dây chuyền sản xuất vôi công nghiệp (4 lò), dây chuyền sản xuất tro bay, dây chuyền sản xuất kết cấu bê tông vào hoạt động có hiệu quả.

- Triển khai đầu tư khu chuyên gia-resort công nghệ Hit theo hình thức xây dựng dựa trên nguồn lực sẵn có nhà máy VLXD, gạch block, nhân lực có tay nghề cao và xây dựng sớm và vào khai thác. Công ty sẽ triển khai thực hiện các dự án đầu tư như dự án khu ô nhiễm công nhân xi măng Hoàng Mai tại TT Hoàng Mai, Huyện Quỳnh Lưu, khu ô nhiễm VICEM tại thành phố Vinh, đầu tư khu trung tâm thương mại, chung cư tại khu vực của Công ty tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An khi thị trường bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại.

- Triển khai nghiên cứu kỹ thuật: xây dựng các trạm sản xuất nhiệt thải ra các lò nung clinker phát hiện phần đầu cung cấp đến 30% nhu cầu sử dụng điện của nhà máy và giá thành rẻ khoảng 1.5 cent/kWh, và giảm đáng kể lượng phát thải ô nhiễm môi trường.

- Nâng cao chất lượng và mức xi măng: sản xuất clinker chất lượng cao PC50, PC60, tiếp tục đầu tư pha phối gia Pozolan, tro xỉ nhiệt điện, xỉ lò cao... giảm chất lượng clinker, giảm lượng khí thải CO₂, NO_x, SO₂.

- Triển khai và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp làm nhiên liệu, làm phối gia cho xi măng giảm giá thành.

- Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng: trang bị hệ thống thiết bị lọc bụi túi lọc thay thế lọc bụi tĩnh điện giảm nồng độ bụi trong khí thải đạt mức dưới 20mg/Nm³ ...

- Phát triển nguồn nhân lực: Công ty phát triển bản thân về kỹ thuật, trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thị trường, sẵn sàng tranh giành các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước để nâng cao năng lực chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, kỹ sư, thợ, thi công, nghiên cứu ứng dụng.

5.3 Các mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Kết hợp chặt chẽ giữa lợi ích kinh tế, công nghệ với hình thức xã hội, lý tưởng, xã hội, bảo vệ và các giá trị pháp luật bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra, đánh giá tác động của các dự án sản xuất xi măng về môi trường, xã hội, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

- Thường xuyên giám sát, thanh kiểm tra và xử lý vi phạm về các vấn đề sản xuất gây ô nhiễm môi trường. Thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro kinh tế

Năm 2012, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực từ suy thoái kinh tế thế giới. Nhà nước áp dụng chính sách kiểm soát lạm phát thông qua siết chặt tín dụng, giảm mức đầu tư công và tăng trưởng tín dụng đã dẫn đến sự trầm lắng của thị trường BĐS nên nhiều công trình xây dựng bị trì hoãn hoặc tạm ngưng khi nền kinh tế suy thoái kéo theo cung vượt cầu. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các DN đã tìm kiếm xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cạnh tranh nội địa gay gắt, phần lớn vẫn tồn tại chần chừ ... nên công tác xuất khẩu xi măng gặp nhiều khó khăn. Vấn đề này cần xem là thách thức lớn nhất về ngành xi măng nói chung và cho các nhà sản xuất kinh doanh xi măng trong Tập công ty công nghiệp xi măng Việt Nam nói riêng.

6.2. Rủi ro luật pháp

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung như những hạn chế sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phí của Tập công ty, các hiệp hội, ... Do đó, mọi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước,

chính sách của Tập đoàn công ty, .. s ẽ tiếp tục nỗ lực để vượt qua những thách thức hiện tại và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty trẻ, chúng tôi chú trọng chi phí và nâng cao hiệu suất hoạt động kinh doanh, Lu ỹ kế hoạch. Khi thực hiện nhiệm vụ trên Sơ đồ giao dịch kế hoạch tài chính Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự chi phối của các quy định nhiệm vụ của Sơ đồ giao dịch kế hoạch tài chính Hà Nội, chính sự chi phối này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường kế hoạch tài chính Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính cạnh tranh cao, do đó các quy định pháp luật về kế hoạch tài chính và thị trường kế hoạch tài chính có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Trong những năm tới, Công ty luôn chú trọng đầu tư nghiên cứu và phát triển các quy định mới của pháp luật để xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước.

6.3. Rủi ro biến động giá nguyên nhiên vật liệu

Giá nguyên nhiên vật liệu vào chính sản phẩm xi măng bao gồm: đá vôi, sét, than, đất sét, xỉ, thạch cao, bauxit, vôi... năm 2012 tăng cao so với năm 2011 và các năm trước đây và dự báo tiếp tục tăng trong khi giá bán không tăng, do đó hiệu quả SXKD ngày càng giảm.

Để khắc phục một phần rủi ro về giá vật liệu vào tăng, thời gian qua, Công ty đã đầu tư sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất, giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu. Trong công tác quản lý, Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí các chi phí như chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí tài chính và các chi phí trung gian khác, ngoài ra Công ty luôn chú trọng xây dựng kênh cung cấp nguyên vật liệu với số lượng, chất lượng và giá cả ổn định.

6.4. Rủi ro cạnh tranh

Về tình hình xuất các dự án nhà máy xi măng theo quy hoạch sẽ phê duyệt thì lượng xi măng cung cấp cho thị trường trong những năm tới sẽ tăng cao, do đó Công ty phải tiếp tục tìm kiếm các biện pháp cạnh tranh khác biệt không chỉ về giá mà còn về chất lượng xi măng trong nước mà cạnh tranh với xi măng nhập khẩu. Có thể nói về thị trường và phát triển bền vững, Công ty cần có kế hoạch giảm thiểu các chi phí hiện tại và mở rộng các thị trường mới trong tương lai.

Bên cạnh những nỗ lực cạnh tranh giá cả xi măng trong nước và hàng nhập khẩu từ các nước khác, Công ty còn phải tiếp tục tìm kiếm những thị trường

h t ngu n cung c p than do vi c t p trung khai thác than ph c v cho xu t kh u và nhi u m c ích tiêu dùng trong n c nh t là ph c v s n xu t nhi t i n ã d n n s c n ki t đ n c a ngu n cung tài nguyên thiên nhiên này. Cùng v i nó là s t ng giá nh p kh u các nguyên li u th ch cao, clinker c ng nh c c phí v n chuy n s nh h ng không nh n doanh thu và l i nhu n c a Công ty.

6.5 R i ro bi n ng lãi su t

N ph i tr hi n nay chỉ m t tr ng l n h n 50% trong t ng ngu n v n c a Công ty d n n chi phí lãi vay hàng n m cao. Lãi su t cho vay c a các t ch c tín đ ng th i gian g n ây bi n ng liên t c. Hi n t i, m c dù ã c NHNN ki m soát t t h n v chính sách lãi su t nh ng Công ty v n ch a ti p c n c nhi u các gói lãi su t h p lý t các ngân hàng do ó ã làm gi m hi u qu s n xu t kinh doanh c a Công ty. Hi n nay Công ty ang tìm cách gi m thi u r i ro này thông qua các bi n pháp nh : ki m soát ch t ch công n ph i thu, t i u hoá vì c s đ ng v n, t ng vòng quay ng ti n, u tiên thanh toán n tr c h n i v i các kho n vay có lãi su t cao ho c các kho n vay ch u r i ro v t giá h i oái.

6.6 R i ro khác

Ho t ng c a Công ty c ng ch u nh h ng c a các r i ro khác nh thiên tai, d ch h a, ho ho n, d ch b nh, bão l n .v.v... ây là nh ng r i ro b t kh kháng và khó đ oán n u x y ra s gây thi t h i cho tài s n, con ng i và tình hình ho t ng chung c a Công ty. h n ch t i a nh ng thi t h i có th x y ra, Công ty ó ti n hành tham gia mua b o hi m cho tài s n mà Công ty ang khai thác, s đ ng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù phải chịu tác động tiêu cực của các chính sách kích cầu của Chính phủ cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường xi măng nội địa, nhưng chỉ số lợi nhuận kinh doanh phù hợp, sự quy tập tâm, toàn kết cấu tập thể CBCNV, năm 2012 Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như số lợi nhuận tiêu thụ, doanh thu tăng 4%, 12% so với năm 2011. Tuy nhiên do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao đặc biệt là giá xăng, dầu, than, điện... làm cho chi phí sản xuất năm 2012 tăng 107 tỷ đồng so với năm 2011 do đó hiệu quả kinh doanh tiêu lợi nhuận năm 2012 giảm 13% so với năm 2011. Các thành tựu sau:

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	VT	TH năm 2011	KH năm 2012	TH năm 2012	So sánh TH 2012 với KH 2012	So sánh TH 2012 với TH 2011
1	S N XU T						
1.1	S n ph m chính						
	+ Xi măng sản xuất	Ngàn tấn	1.318	1.450	1.367	94%	104%
	+ Clinker sản xuất	Ngàn tấn	1.260	1.280	1.250	98%	99%
1.2	S n ph m ph						
	+ Á xây dựng	M3	209.963	350.000	423.932	121%	202%
	+ Gạch block	Tr. viên	4,9	12	19,9	166%	407%
	+ Bê tông thương phẩm	M3	1.890	30.000	23.824	79%	1.261%
2	TIÊU TH						
2.1	S n ph m chính						
	+ Clinker tiêu thụ	Ngàn tấn	135	50	101	202%	75%
	+ Xi măng tiêu thụ	Ngàn tấn	1.318	1.450	1.367	94%	104%
2.2	S n ph m ph						
	+ Á xây dựng	M3	165.342	350.000	444.453	127%	269%
	+ Gạch block	Tr. viên	4,5	12	19,2	160%	424%
	+ Bê tông thương phẩm	M3	1.890	30.000	23.824	79%	1.261%
3	Chi phí xây dựng	Tiền	8,8	106	14,7	14%	167%
4	Doanh thu	Tiền	1.477	1.645	1.651	100%	112%
5	Lợi nhuận	Tiền	151,5	163	132,5	81%	87%
6	EBITDA	Tiền	377	435	348	80%	92%
7	Tỷ suất LN/DT	%	10,3	9,9	8,0		
8	Tỷ suất LN/Vốn đầu tư CSH	%	21,0	22,6	18,4		
9	Nợ Ngân sách	Tiền	70,1	72,6	79	109%	113%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã thể hiện công nghệ mới của Công ty có phần xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể là:

- Công ty đã chấp hành, linh hoạt nắm bắt diễn biến thị trường triển khai các giải pháp có thể thể hiện Nghị quyết của Hội đồng, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, ý muốn sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả; chú trọng kinh doanh vật tư, nâng cao chất lượng sản phẩm (Nghệ An) và các sản phẩm tiêu (Hà Tĩnh, Thanh Hoá), quan tâm giải quyết các sản phẩm tiêu (Miền Trung); ưu tiên chính sách tiết kiệm năng lượng tiêu thụ trong khi dân sinh là lợi ích tiêu thụ chính.

- Công ty tiếp tục sàng lọc, lựa chọn nhà phân phối có năng lực thực sự qua đó Công ty mở rộng thị trường tiêu thụ, cụ thể là khi dân sinh và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng ra các tỉnh phía Bắc. Xây dựng quy chế hợp tác các nhà phân phối, khách hàng tiếp xúc xi măng vào các công trình dự án.

- Chấp hành thể hiện gia công xi măng tại các trạm nghiền: Bút Sơn, Trảng Thi, Nguyễn Lộc, Thạch Cao xi măng Quảng Bình, Cam Ranh, Hội Vân nhằm giảm chi phí vận chuyển, tiết kiệm chi phí tiêu thụ.

- In mã sản phẩm trên bao bì, mở rộng xi măng tiêu thụ ứng dụng sản phẩm, quản lý tốt nguồn hàng xuất khẩu nhà máy nhằm giảm chi phí vận chuyển.

- Công ty đã triển khai xuất khẩu xi măng sang thị trường Lào

- Thể hiện tính tiết kiệm chi phí mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất thông qua việc sử dụng sản phẩm của các nhà sản xuất và thay vì mua thiết bị của nước ngoài bằng thiết bị sản xuất trong nước mà vẫn đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.

- Sản phẩm viên làm phôi xi măng nhằm giảm giá thành và chi phí vận chuyển.

- Lắp đặt thiết bị mới cho các quặng công nghệ Clinker tiết kiệm chi phí vận chuyển.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh gạch block và bê tông thương phẩm tiêu thụ xi măng và đá xây dựng

- Thể hiện việc mua sắm vật tư công nghệ vào, thiết bị, phần mềm thay thế theo đúng quy định của Nhà Nước và Công ty nhằm mở rộng thị trường, giảm chi phí và mở rộng thị trường phân phối.

- Các loại các khoản vay có lãi suất cao, thường xuyên tìm kiếm các gói vay ngân hàng có lãi suất ưu đãi để giảm ngân sách tiêu thụ vốn tài chính.

- Quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và quy định của Công ty; linh hoạt trong xử lý vay trả trong điều kiện có nhu cầu cần bù đắp tài chính thiếu hụt; thực hành tiết kiệm, chiêng lãng phí nhằm hạ giá thành trong tất cả các khâu sản xuất sản phẩm.

Vì những thành tựu và kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm qua, Công ty đã thực hiện các tiết kiệm và giảm chi tiêu dùng tín nhiệm tiêu dùng, thường thì Công ty không ngừng mở rộng.

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã xác định nội dung sách lược chi tiêu thực hiện các chiến lược, tổ chức triển khai tất cả các khâu sản xuất từng bước thay thế, công nghệ sản xuất, điều hành, bám sát tiến độ thực hiện, chỉ tiêu kinh doanh. Hơn 80% các công việc sản xuất đều do Công ty tự thực hiện do vậy đã giảm chi phí sản xuất thuê ngoài mang lại hiệu quả kinh tế cao, giảm chi tiêu về các nội dung công nghệ sản xuất máy móc, chi tiêu thi công chuyển đổi sản phẩm sang sản phẩm than..vv

- Công tác sản xuất, phân phối từng bước thay thế ra đã thực hiện nghiêm túc, nhu cầu phân phối đã phân bổ và đưa vào tái sản xuất, giảm chi phí mua sắm chi tiêu về các phân phối nghiệp vụ.

- Năm 2012, Công ty thực hiện có hiệu quả chi tiêu về sản xuất kinh doanh sản phẩm gạch xây dựng, bê tông thành phẩm, gạch block; chi tiêu về sản phẩm xây dựng và gạch block, Công ty đã thực hiện tiêu thụ sản phẩm hàng năm nhu cầu về năm 2011 và vượt xa mức kế hoạch năm 2012 trước.

- Sản phẩm xi măng tiêu thụ năm 2012 của Công ty tăng trưởng 3,7% so với năm 2011. Việc thu hồi công nợ xi măng, clinker cuối năm thực hiện tốt, đạt 94%.

- Chuyển hướng các sản phẩm, tăng tiêu thụ xi măng rời và xi măng PCB30 nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

- Tích cực công tác phân phối thị trường cốt lõi, tăng trưởng mức tiêu thụ, hợp tác phân phối xi măng Vicem Hoàng Mai tại Nghệ An, Hà Tĩnh hoạt động có hiệu quả.

Công ty t c k t qu nh trên là nh :

- S quan tâm lãnh o, ch o c a T ng công ty công nghi p xi m ng Vi t Nam và s ng h c a các c p, các ngành a ph ng cùng v i quy t tâm cao c a t p th lãnh o, cán b công nhân lao ng. Ban lãnh o Công ty ch o sát sao quá trình v n hành s n xu t; ch o các n v liên quan l p và tri n khai th c hi n k ho ch s a ch a, b o đ ng máy móc, thi t b ; ch o k p th i x lý các s c thi t b x y ra.

- Th c hi n xu t xi m ng qua h th ng cân i n t , ti t ki m c chi phí và không x y ra hi n t ng giao xi m ng th a thi u cho các khách hàng.

- Công ty ã s n xu t ch ng lo i xi m ng PCB30 cung c p ra th tr ng, áp ng nhu c u a d ng c a khách hàng, c nh tranh v i các xi m ng giá r .

- Th c hi n t t công tác thu h i công n .

- Cân i ngu n tài chính tr n y và úng h n. Th c hi n tr n tr c h n m t s kho n vay ngo i t tránh r i ro do chênh l ch t giá. S d ng linh ho t ngu n v n nâng cao hi u qu ng v n.

Nh ng thay i ch y u trong n m (nh ng kho n u t l n, thay i chi n l c kinh doanh, s n ph m và th tr ng m i...)

- Công ty ch ng t m d ng các d án u t liên quan n b t ng s n nh khu ô th Xi m ng Hoàng mai t i xã Nghi c- TP Vinh, d án h n h p nhà , v n phòng và d ch v th ng m i t i Vinh.

- Làm công tác quy ho ch xây d ng Khu ô th công nhân Xi m ng Hoàng Mai t i Xã Qu nh Vinh- Qu nh L u Ngh an tri n khai u t vào th i i m thích h p.

- L p d án s n xu t s n ph m m i nh tro bay, vôi công nghi p th c hi n SXKD vào n m 2013.

- Ti n hành kh o sát th m dò m á vôi, á sét B c Th ng ph c v ngu n nguyên li u cho d án Xi m ng Vicem Hoàng Mai 2 v i công su t 4,5 tri u t n clinker/n m.

2. T ch c và nhân s

2.1. Danh sách Ban i u hành.

T ch c b máy qu n lý c a Công ty bao g m: T ng Giám c i u hành, 4 phó T ng Giám c và m t K toán tr ng do H QT b nhi m là c quan t ch c i u hành, qu n lý m i ho t ng s n xu t kinh doanh hàng ngày c a

Công ty theo m c tiêu, nh h ng chi n l c và k ho ch mà i h i c ông và H QT ã thông qua.

a. Ông Nguyễn Trọng Giang:

Ch c v hi n t i: U viên H QT,

T ng Giám c Công ty C ph n Xi m ng Vicem Hoàng Mai,

Bí th ng u Công ty.

Gi i tính: Nam

Ngày/tháng/n m sinh: 10-09-1957

Quê quán: Tiên Hi p – Duy Tiên – Hà Nam Qu c t ch: Vi t Nam

S CMND: 168145111 Ngày c p: 10/10/2002 N i c p: Công an t nh Hà Nam

a ch th ng trú: Tiên Hi p – Duy Tiên – Hà Nam

S i n tho i liên l c: 0383.866668

Trình chuyên môn: K s i n

T l s h u c ph n có quy n bi u quy t: 20% (t ng ng 14.400.000 CP)

Quá trình công tác:

Th i gian	Quá trình công tác
6/1974 - 6/1975	T tr ng xí nghi p c u ng Lào Cai
7/1975 - 10/1975	H c sinh tr ng công nhân k thu t m Apatit Lào
11/1975 - 6/1979	H c sinh tr ng d y ngh t i Liên Xô
7/1979 - 9/1981	T tr ng t phiên d ch ti ng Nga c a ban ki n thi t m r ng m Apatit Lào Cai
10/1981 - 2/1985	Sinh viên tr ng i h c c i n Thái Nguyên
3/1985 - 12/1988	K s i n phòng k thu t ban qu n lý công trình xây d ng m Apatit Lào Cai. Trong th i gian này i h c qu n lý 6 tháng t i Liên Xô.
1/1989 - 9/1994	Tr ng phòng v t t thi t b ban qu n lý công trình xây d ng m Apatit Lào Cai
10/1994 - 10/1998	Tr ng phòng v t t thi t b ban qu n lý công trình xi m ng Bút S n
11/1998 - 1/1999	Tr ng phòng kinh doanh tiêu th Công ty XM Bút S n
1/1999 - 29/09/2010	Phó T ng Giám c ph trách kinh doanh Công ty xi m ng Bút S n
29/09/2010 n nay	y viên H QT, T ng Giám c Công ty c ph n xi m ng Vicem Hoàng Mai

b. Ông Nguyễn Công Thành

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 07 - 07 - 1953

Quê quán: Nam Trực - Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 010413614 ngày cấp: 24/05/2007 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 110 - Tophat B4 - Phường Trung Tân - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0383.661046

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tổng số 3.965.000 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1971 – 1975	Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam
1976 – 1981	Sinh viên khoa kỹ sư kinh tế Đại học Bách Khoa Hà Nội
1982 – 2000	Chuyên viên; Phó phòng; Trưởng phòng Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam
2001 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

c. Ông Nguyễn Công Hoà

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 06/01/1958

Quê quán: Phúc Thọ - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 186528789. Ngày cấp: 27/10/2006. Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai - Thị trấn Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.668071

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tổng số 3.965.000 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982 - 1985	Công tác tại Công ty Xi măng B m S n, Thanh Hóa
1985 - 1990	Thạc sĩ sinh tại Tỉ p Kh c
1990 - 1996	Kỹ thuật viên VP c khí tr ãng Công ty Xi măng B m S n
1996 - 1997	Phó quản lý c x ãng s a ch a Công ty Xi măng B m S n
1997 - 2001	Phó phòng V t t , Công ty Xi măng B m S n
2001 - 2004	Tr ãng phòng V t t , Công ty Xi măng Hoàng Mai
2004 – 2006	Tr ãng phòng C ãi n, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2006 - ãn nay	Phó giám ãc, Công ty C ãp h ãn Xi măng Hoàng Mai

d. Ông Hoàng Xuân V ãnh

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT

Phó Tổng Giám ãc Công ty C ãp h ãn XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 20 - 08 – 1959

Quê quán: ãc Long - ãc Th - Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 141617419 Ngày cấp: 25/04/2007 Nơi cấp: Công an H ãi Đ ãng
 a ch ãnh trú: Công ty C ãp h ãn Xi măng Vicem Hoàng Mai - Th ã tr ãn
 Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Số liên lạc: 0383.664447

Trình chuyên môn: Kỹ sư hóa Silicat

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,50% (t ãng ãng 3.962.500 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982 – 1988	Phòng HTT Công ty Xi măng Hoàng Thạch, H ãi Đ ãng
1988 – 1989	Phó phòng HTT Công ty xi măng Hoàng Thạch
1989 – 2000	Phó quản lý c x ãng Nguyên liệu Công ty Xi măng Hoàng Thạch
2001 – 2003	Tr ãng phòng Công nghệ , Công ty Xi măng Vicem Hoàng Mai
2004 – 15/05/2012	Phó Tổng Giám ãc, Công ty c ãp h ãn Xi măng Vicem Hoàng Mai
15/05/2012 ãn nay	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám ãc và chuyển công tác ãn làm vị c ã t ãi T ãp oàn vị ãn thông quản ãi.

e. Ông Nguyễn Quốc Việt

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 17 – 06 – 1972 Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND : 181791170 Ngày cấp : 09/10/2006 Nơi cấp : Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Thôn Trn Hoàng Mai, Quận Lu, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.664446

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán, thạc sĩ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tổng số 3.965.200 CP)

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ công tác
1995 – 1996	Công tác tại Nhà máy dệt kim Hoàng Th Loan
1996 – 2007	Công tác tại Phòng TCKT – Công ty Xi măng Vicem Hoàng Mai
2007 – 15/01/2011	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
15/01/2011 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

- Quyết định số 12/QĐ.HQT-TC ngày 15 tháng 05 năm 2012 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Ông Hoàng Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc Công ty, bị bãi nhiệm quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai chuyển làm vị trí Tổng quản lý thông tin (Viettel).

- Theo Nghị quyết số 07/NQ.HQT ngày 13 tháng 06 năm 2012 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Ông Hoàng Xuân Vinh thôi làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, thôi bị bãi nhiệm quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM) tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kể từ ngày 15/06/2012.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách về việc làm lao động.

- Tình hình lao động: Tổng số cán bộ, công nhân viên của công ty tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012: 979 người.

- Chính sách về việc làm lao động:

+ Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều có trình độ đại học, Công ty thường xuyên thực hiện các kế hoạch đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, thực hiện hành và thường xuyên thực hiện các hình thức tay nghề, nghiên cứu và khuyến khích công nhân tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Về việc cán bộ quản lý Công ty thực hiện các kế hoạch đào tạo nội bộ các chức năng, các trình độ lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ.

+ Tiếp tục thực hiện các phương pháp lao động phù hợp với trình độ chuyên môn của công nhân và mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích công nhân lao động như:

Hàng năm, công nhân lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được tăng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Hàng năm, Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động.

Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội... cho công nhân lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 42h/tuần. Thực hiện việc bồi dưỡng chi phí, chi trả cho công nhân lao động.

Thực hiện nghiên cứu, phát triển các chức năng cho công nhân lao động có sức khỏe tốt loại III trở lên hoặc miễn dịch.

Sau đây, bổ sung và ban hành một số các quy định quản lý nội bộ phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Quy chế quản lý, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý tài chính và quy trình hạch toán kế toán tại các xí nghiệp, Quy chế phân phối giá thành công nhân và chuyên môn...

Một số ví dụ về việc làm, công nhân, kết quả thực hiện BHXH, BHYT, nâng lương nhân viên hàng năm, chế độ bồi dưỡng chi phí, chi trả khám sức khỏe định kỳ. Tiền lương bình quân công nhân lao động năm 2012 cao hơn năm 2011, đạt 9,02 triệu đồng/người/tháng.

Công tác an toàn v sinh lao ng, phòng ch ng cháy n c quan tâm. Ng i lao ng c hu n luy n, ào t o và c trang b y các trang thi t b b o h lao ng nh v y trong n m 2012 không có v tai n n lao ng áng ti c nào x y ra.

+ T ch c 10 oàn tham quan du l ch, h c t p kinh nghi m trong và ngoài n c cho 527 l t ng i lao ng v i t ng s chit ngu n qu phúc l i h n 2,6 t ng.

+ T ch c th c hi n công tác t thi n, an sinh xã h i v i s ti n h n 1,8 t ng.

+ Lãnh o Công ty ph i h p v i các t ch c oàn th ti p t c tuyên truy n, ph bi n r ng rãi quy ch dân ch n ng i lao ng, tri n khai th c hi n quy ch dân ch b ng các hình th c; t ch c cho ng i lao ng óng góp ý ki n vào ph ng h ng và bi n pháp th c hi n nhi m v s n xu t kinh doanh hàng tháng, quý, 06 tháng và c n m thông qua các cu c h p n v , H i ngh c p Công ty, s k t 06 tháng, t ng k t n m, h i ngh ng i lao ng n v , Công ty hàng n m; tham gia óng góp ý ki n s a i, b sung th a c lao ng t p th và ki m tra vi c th c hi n th a c c a ng i s d ng lao ng và ng i lao ng; s a i, b sung quy ch ti n l ng; óng góp ý ki n trong quá trình xây d ng, s a i, b sung các n i quy, quy ch c a Công ty và các t ch c oàn th khác,...

+ T ch c t t các ho t ng VHVN, TDTT chào m ng các ngày l l n trong n m. Tham gia các gi i th thao c a t ng Công ty, c a huy n Qu nh L u t k t qu t t; T ch c các ch ng trình v n ngh , giao l u v n ngh nhân d p các ngày l l n...

+ T ch c các ho t ng vui ch i b ích trong d p h e cho thanh thi u niên là con CBCNL Công ty; t ch c vui t t trung thu, giao l u v n ngh cho các cháu t i khu t p th nhân d p t t trung thu; t ng quà cho các cháu thi u niên, nhi ng nhân d p 01/06; khen th ng các cháu h c sinh gi i, u i h c, các cháu 09 n m li n và 12 n m li n là h c sinh xu t s c nhân d p u n m h c m i v i t ng giá tr ti n th ng là g n 64 tri u ng; ph i h p v i các tr ng m m non, ti u h c trên a bàn làm t t công tác giáo d c, ch m sóc các cháu thi u niên, nhi ng là con CBCNL Công ty;

+ Th ng xuyên t ch c th m h i, ng viên CBCNL lúc m au, tai n n, gia ình có ng i thân g p n n, tr c p khó kh n cho gia ình CBCNL có hoàn c nh khó kh n, c bi t khó kh n. N m 2012, Công ty ã tr c p khó

kh n cho b n thân và thân nhân gia ình CNL b tai n n lao ñng ho c có hoàn c nh c bi t khó kh n 40 tri u ñng; th m h i, hi u h 175 l t ñng i v i t ñng s t i n 131 tri u ñng.

3. Tình hình u t , tình hình th c hi n các d án

- Hoàn thành công tác l p, phê duy t quy ho ch chi ti t 1/500 d án khu chuyên gia ñng H i nh ñng ch a kh i công c theo Ngh quy t c a H QT.

- ã hoàn thành công tác l p d án, thi t k thi công giai o n 1 D án đi d i tuy n ñng ñng c p n c tránh Qu c l 1A m r ñng trình Ban gi i phóng n bù t nh Thanh Hóa phê duy t.

- ã ký h p ñng v i CCID v l p D án u t dây chuy n 2, nhà máy Xi m ñng Vicem Hoàng Mai.

- ã ký h p ñng và t ch c kh i công gói th u kh o sát, th m dò m á vôi, á sét cho dây chuy n 2 t i Tân Th ñng (kh i công 29/11/2012).

- Hoàn thành công tác c i t o ñng t qu c l 1A vào Nhà máy.

- Hoàn thành vi c n bù cho 56 h dân xã Tr ñng Lâm, huy n T nh Gia, t nh Thanh Hoá gi i phóng m t b ñng m á vôi Hoàng Mai giai o n 3.

- Tri n khai vi c xin c p l i Gi y phép khai thác m á vôi Hoàng Mai B.

- Tri n khai d án s n xu t vôi công nghi p và tro bay.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Ch tiêu	VT	N m 2011	N m 2012	% t ñng gi m
T ñng giá tr tài s n	Tri u ñng	2.121.500	2.144.832	1,1%
Doanh thu thu n	Tri u ñng	1.412.021	1.526.576	8,1%
L i nhu n t ho t ñng kinh doanh	Tri u ñng	146.806	127.725	- 13%
L i nhu n khác	Tri u ñng	4.716	4.733	0,36 %
L i nhu n tr c thu	Tri u ñng	151.522	132.459	- 12,58 %
L i nhu n sau thu	Tri u ñng	129.577	112.709	- 13,02%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,78	0,82	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,32	0,33	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số N / Tổng tài sản	0,57	0,57	
+ Hệ số N / Vốn chủ sở hữu	1,3	1,3	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	3,01	3,03	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,67	0,71	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,09	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,14	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,06	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế kinh doanh / Doanh thu thuần	0,1	0,08	

5. Các cuộc ông, thay đổi vốn thực hiện

a. Các phát hành:

- Số lượng cổ phiếu ưu đãi phát hành: 72.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 72.000.000 cổ phiếu

b. Các cuộc ông:

Loại hình	HCCN	CNTD	Tổng cộng	Tỉ lệ SH
I. Công bố		51.113.100	51.113.100	70,99%
1. Hội đồng quản trị		47.147.000	47.147.000	65,48%
2. Ban Tổng Giám đốc		26.295.200	26.295.200	36,52%
3. Ban kiểm soát		3.966.100	3.966.100	5,51%
4. Kế toán trưởng				
II. Cổ phiếu ưu đãi		2.771.400	2.771.400	3,85%
III. Công khác		18.115.500	18.115.500	25,16%
1. Trong nước		15.530.900	15.530.900	21,57%
1.1 Cá nhân		12.162.514	12.162.514	16,89%
1.2 Tổ chức		3.368.386	3.368.386	4,68%
2. Nước ngoài		2.584.600	2.584.600	3,59%
2.1 Cá nhân		120.700	120.700	0,17%
2.2 Tổ chức		2.463.900	2.463.900	3,42%
CỘNG:		72.000.000	72.000.000	100%

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng sản phẩm tiêu thụ xi măng và clinker năm 2012 đạt 1,468 triệu tấn, bằng 97,9% so với Ngân sách và tăng 1% so với thực hiện năm 2011. Trong đó sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 1,366 triệu tấn bằng 94,3% so với Ngân sách và tăng 3,7% so với năm 2011. Lợi nhuận năm 2012 đạt 132,5 tỷ đồng, đạt 81% so với kế hoạch là do:

+ Sản lượng xi măng sản xuất giảm 83.400 tấn (NS= 1.450.000 tấn; TH=1.366.000 tấn), chi phí cấnh/tấn xi măng sản xuất tăng, LN giảm 3,2 tỷ đồng.

+ Tiêu hao than sản xuất clinker tăng 30kcal/kg clinker (NS=870kcal/kg clinker; TH=900kcal/kg clinker); làm giá thành Clinker tăng, lợi nhuận giảm 14,6 tỷ đồng.

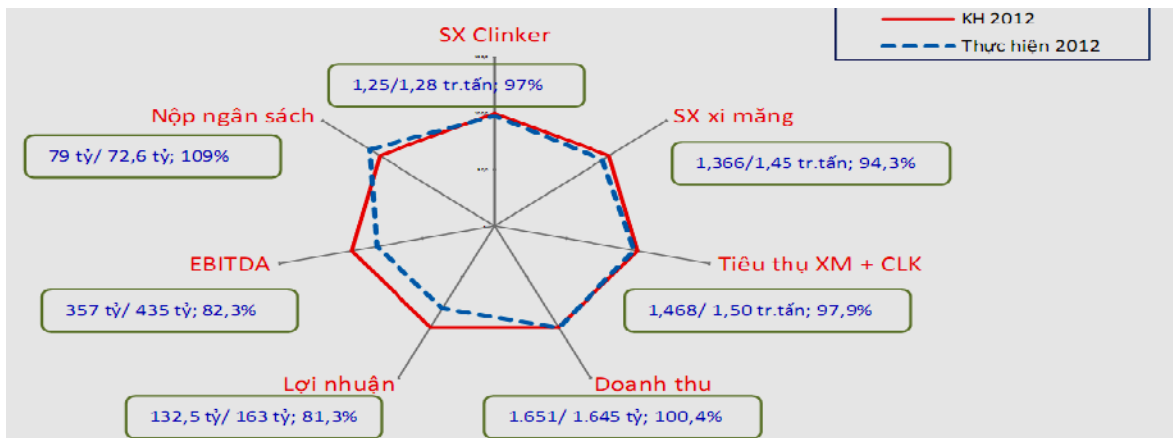
+ Tỷ lệ pha phôi PCB40 giảm 0,7% (NS=15,5%; TH=14,8%), giá thành xi măng PCB40 tăng, lợi nhuận giảm 3,9 tỷ đồng.

+ Giá than tăng 27 đồng/kcal (NS=364 đồng/kcal; TH=391 đồng/kcal), giá thành clinker tăng, lợi nhuận giảm 30,4 tỷ đồng. Giá dầu tăng Diesel tăng 1.300 đồng/lít (NS= 18.864 đồng/lít; TH=20.164 đồng/lít), lợi nhuận giảm 2 tỷ đồng.

+ Sản lượng tiêu thụ xi măng giảm 83.400 tấn (NS=1.450.000 tấn; TH=1.366.000 tấn), lợi nhuận giảm 8 tỷ đồng.

- Năm 2012, Công ty thực hiện có hiệu quả việc sản xuất kinh doanh sản phẩm phôi má xây dựng, bê tông thương phẩm, gạch block; việc sản phẩm má xây dựng và gạch block, Công ty đã thực hiện tiêu thụ sản lượng cao hơn nhiều so với năm 2011 và vượt xa mức kế hoạch năm 2012 ra.

Xem Biểu đồ kết quả tiêu thụ sản phẩm và kết quả kinh doanh:



- Nhiệm vụ Công ty năm 2012:

+ Năm 2012, Công ty luôn bám sát tình hình thị trường để điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế, kế hoạch kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính, chi phí chi phí mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất thông qua việc sử dụng các thị trường và mua thiết bị sản xuất trong nước thay cho nước ngoài mà vẫn đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty. Tổng chi phí sản phẩm năm 2012 là 48 tỷ đồng, giảm 25 tỷ đồng so với ngân sách.

+ Công ty triển khai, lập các dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, đầu tư mua sắm thiết bị giám sát và tự động hóa vận hành, giảm quy trình tiêu hao năng lượng điện.

+ Triển khai công tác phân loại và đánh giá, phân loại và đánh giá các thiết bị, phân loại và đánh giá các công nhân viên chức và phân loại và đánh giá các công nhân viên chức quản lý kinh doanh.

+ Tiến hành cắt giảm chi phí mô hình tổ chức phù hợp tình hình, nhiệm vụ của Công ty. Tách và thành lập một số phòng ban mới công tác quản lý.

+ Chăm sóc môi trường an toàn và sinh viên học tập có hiệu quả, năm 2012 không có tai nạn lao động nào xảy ra. Cung cấp các trang bị bảo hộ lao động cá nhân, phân loại và đánh giá các công nhân viên chức đảm bảo an toàn cho người và thiết bị. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng giữ gìn trật tự an ninh trong toàn Công ty.

+ Công tác sản xuất, phục vụ thị trường và các chỉ tiêu kinh tế, nhiệm vụ phân loại và đánh giá và đưa vào tái sản xuất, giảm chi phí mua sắm thiết bị và các phân xưởng.

+ Thực hiện chương trình tiết kiệm năng lượng, Công ty lập kế hoạch chi phí máy móc nghiên cứu, nghiên cứu (là các thiết bị tiêu thụ điện năng) vào giá trị đầu tư và lập dự án đầu tư cho các công trình tiêu hao điện năng lớn nhất để tiêu hao điện năng cho các công trình sản xuất để giảm chi phí sản xuất của Công ty. Các chỉ tiêu tiêu hao điện năng cho sản xuất xi măng bình quân 98,4% ; tiêu hao điện năng cho sản xuất clinker bình quân 97,3%; tiêu hao điện năng cho nghiên cứu 87,3%; tiêu hao điện năng cho nghiên cứu 74,5% và tiêu hao điện năng cho phân phối 51,4% so với ngân sách.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

* Tổng tài sản thuần năm 2012 là 2.121 tỷ đồng, cuối năm 2012 là 2.144 tỷ đồng tăng 23 tỷ đồng tăng 1,08%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 114 tỷ đồng, tăng 19%; tài sản dài hạn giảm 91 tỷ đồng, giảm 6%. Tài sản cố định giảm 91 tỷ đồng do: Khấu hao TSC trong năm là 121 tỷ đồng, mua sắm mới 14 tỷ đồng, thanh lý TSC đã hết khấu hao 2,5 tỷ đồng, tăng chi phí XD CB đang dang 1,5 tỷ đồng và tăng chi phí trả trước dài hạn khác 12 tỷ đồng.

* Cấu trúc tài sản cuối năm và thuần năm như sau: h/s tài sản ngắn hạn/tổng tài sản thuần năm là 28,3%, cuối năm là 33,3%; h/s tài sản dài hạn/tổng tài sản thuần năm là 71,7% và cuối năm là 66,7%.

* Các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm tăng 83 tỷ đồng, tuy nhiên các khoản phải thu của khách hàng cuối năm thuần năm trong năm có lợi nhuận cho phép. Trong năm 2012 Công ty trích dự phòng tỉ lệ 50% còn lại khoản phải thu của Công ty cổ phần xi măng Puzolan Gia Lai tăng 1,3 tỷ đồng, trừ các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi/ các khoản phải thu ngắn hạn thuần năm là 1,8% cuối năm là 1,7%.

* H/s L nhuận sau thuế / Tổng tài sản năm 2012 là 5,2%.

b. Tình hình nợ phải trả

* Tổng các khoản nợ phải trả thuần năm là 1.209 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 765 tỷ đồng, nợ dài hạn là 444 tỷ đồng), cuối năm là 1.213 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 871 tỷ đồng, nợ dài hạn là 342 tỷ đồng), tăng 4 tỷ đồng tăng 0,3%. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 106 tỷ đồng (tăng 13,8%); nợ dài hạn giảm 102 tỷ đồng (giảm 23%).

* H/s nợ (Tổng nợ / Tổng tài sản) thuần năm là 57%, cuối năm là 56,6%, giảm 0,4%.

* Ngày 31/12/2012 số dư nợ vay ngoại tệ của công ty là 1.138.794,14 USD, tăng 23,7 tỷ đồng (khoản vay của Quỹ phát triển kinh tế RP theo Hợp đồng cho vay lãi suất thả nổi và Công ty Xi măng Hoàng Mai ngày 24 tháng 11 năm 1999 số tiền 2.659.983,41 USD. Lãi suất của Hợp đồng vay là 4,2%/năm), khoản vay ngoại tệ này chi phí trả không lớn trong tổng nợ phải trả do đó trong năm 2012 công ty không chịu ảnh hưởng chênh lệch giá hối đoái của khoản vay này nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. *Những chỉ tiêu về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

- Tiếp tục nâng và nâng cao hiệu quả hoạt động các bộ máy của Công ty thông qua việc sắp xếp tinh gọn lao động trong dây chuyền sản xuất chính; ưu tiên áp dụng lao động cho sản xuất vật liệu xây dựng đá, gạch, bê tông nhằm mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và không tăng số lượng lao động. Công ty đã xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2012- 2015 có nhìn hướng năm 2020 đáp ứng yêu cầu ào tạc, phát triển nguồn cán bộ quản lý kỹ thuật.

- Sửa đổi, bổ sung và ban hành thêm các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Quy chế quản lý, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý tài chính và quy trình hạch toán kế toán tại các xí nghiệp, Quy chế phối hợp giữa các công đoạn và chuyên môn ...

- Thực hiện 23 khóa ào tạc (trong đó 3 khóa ào tạc nội bộ ngoài) về các lĩnh vực quản lý, tài chính, công nghệ, kỹ thuật, kinh tế, Tiếng Anh, ..., như các khóa: Kỹ năng tài chính dành cho nhà quản lý; nâng cao năng lực cân bằng (BSC) và chỉ tiêu ưu tiên hiệu quả công việc (KPI); 02 khóa ào tạc Tiếng Anh; ào tạc thi nâng bậc công nhân kỹ thuật; huấn luyện an toàn vật liệu công nghiệp, ... về tổng số lượt người ào tạc là 1.173 lượt người.

4. *Khoạch phát triển trong tương lai*

Hiện nay, Công ty đã và đang chú trọng cắt giảm chi phí, tìm nguồn nhiên liệu thay thế, cải tiến, áp dụng công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao sức cạnh tranh, giảm giá thành phần, nâng cao năng suất trình độ quản lý. Tuy nhiên, năm 2013, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Cần chú ý:

- Khi nền kinh tế vĩ mô của Chính phủ chuyển cho năm 2013 tiếp tục, nên chú ý các chương trình đầu tư ngân sách nhà nước chi bố trí vốn công nghệ 30 - 50% nhu cầu cần thiết và chi bố 70 - 80% kế hoạch 2012. Nhu cầu chương trình đầu tư chi phí tiếp tục giảm, hoãn tiến hành trong năm 2013. Chính phủ tiếp tục chú ý, ưu tiên hành kích thích đầu tư, nền kinh tế vĩ mô, mở rộng an sinh xã hội, hướng tới tăng trưởng bền vững.

-Tình trạng d ã th a xi m ng trên th tr ãng trong n c, u t t ngân sách Nhà n c cho xây d ãng c b n không t ãng, do v y th tr ãng s c s cạnh tranh quy t li t h n so v i các n m tr c; Giá c v t t , nguyên, nhiên v t li u u vào, giá c c v n t i, giá i n d báo s t i p t c t ãng trong n m 2013 làm hi u qu kinh doanh b ãnh h ãng.

M c dù n n kinh t c ãn nhi u khó kh ãn, tuy nhiên, v i l i th th ãng hi u, th tr ãng ã c ó, Công ty t k ho ch ph ãn u các ch tiêu n m 2013 nh ãu:

* M t s ch tiêu k t qu kinh doanh chính n m 2013

Ch tiêu	N m 2012 (Tri u ng)	N m 2013	
		Tri u ãng	Thay i so v i n m 2012
1. Doanh thu	1.650.776	1.482.024	- 10,22 %
2. Giá v ãn	1.168.408	1.109.831	- 5,01 %
3. Chi phí qu ãn lý doanh nghi p	65.393	68.734	5,1 %
5. Chi phí bán hàng	65.727	68.458	4,16 %
6. Chi phí ho t ãng tài chính	103.665	99.246	-4,26%
7. L i nhu ãn tr c thu	132.459	90.065	-32%
8. L i nhu ãn sau thu	112.709	78.807	-30%
9. LNST/Doanh thu	8 %	6 %	-25%
10. C t c			
11. N p ngân sách	79.036	80.083	1,32%

* Tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu.

TT	Vật	VT	Thực hiện năm 2012	Mức tiêu năm 2013
	<u>SX 1 tấn Clinker</u>			
1	Than cám	Kcal/kg clinke	900	870
2	Dầu DO s y lò	Kcal/ kg clinke	8,5	8,4
3	Điện clinker	KWh	63	63
	<u>SX 1 tấn xi măng</u>			
1	Bazan, á en	%	14,8	19,8
2	Thạch cao	Tấn	0,035	0,035
3	V bao	Cái	20	20
4	Điện xi măng	KWh	39	39

* Lưu ý :

- Thẩm dò bổ sung nâng cấp trình độ, xin cấp giấy phép khai thác mỏ.
- Dây chuyền 2 XMHM: Khảo sát địa hình, địa chất khu vực nhà máy, trạm nghiền và tuyến băng tải; khảo sát thẩm dò đánh giá trình độ mỏ á vôi, á sét Bắc Thành; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập dự án đầu tư.
- Khảo sát, quy hoạch, xây dựng khu chuyên gia công Hải; khảo sát, quy hoạch khu ô nhiễm công nhân XMHM tại Xã Quỳnh Vinh- Quỳnh Lưu- Nghệ An.
- Dự án đi dè tuyến đường tránh quốc lộ 1A mở rộng.
- Lưu ý các dây chuyền sản xuất vôi công nghiệp và thuê ngoài dự án gia công sản xuất tro bay.

t c m c t ng tr ng v s n l ng s n xu t, tiêu th và l i nhu n trên, trong nh ng n m t i công ty c n th c hi n m t s công tác nh sau:

*** V s n xu t :**

- Trì n khai công tác s a ch a l n dây chuy n thi t b theo úng k ho ch và m b o ch t l ng lò nung và các thi t b trong dây chuy n ho t ng n nh, dài ngày sau s a ch a, m b o th i gian huy ng thi t b cao nh t.

- Tìm bi n pháp i u ch nh ph i li u nâng cao ch t l ng clinker v i mức n n duy trì m c trên 53N/mm².

- Ti p t c tìm các bi n pháp ti t ki m nguyên nhiên v t li u nh tiêu hao than, i n, t ng t l pha ph gia, h n ch t i a đ ng lò, t ng c ng ch y máy nghi n gi th p i m gi m giá thành s n ph m.

- Ti t ki m chi phí s n xu t, gi m t n kho.

- T n đ ng t i a ngu n á vôi en t i m á Hoàng Mai pha ph gia.

- ánh giá m c hi u qu c a ch t tr nghi n s đ ng v i s l ng l n nh m t ng t l pha ph gia.

- Trì n khai th c hi n đ án thay vôi t c a Lò nung clinker, thay khoanh lò nung o n 34- 36m và c i t o nâng c p h th ng cân c p than cho vôi t lò nung và vôi t calciner.

- Th c hi n nghiêm ch nh quy trình, quy ph m trong v n hành và s a ch a thi t b , không x y ra m t an toàn cho ng i và thi t b .

- Ph n u th c hi n t t các nh m c tiêu hao trong s n xu t; t ng c ng

ki m soát v t t , ph t ùng, nguyên, nhiên v t li u u vào gi m t n kho hàng hóa n m c h p lý nh t nh m nâng cao hi u qu s n xu t kinh doanh.

- Ti p t c s n xu t t hi u qu các s n ph m ph nh á xây đ ng, g ch block, bê tông th ng ph m; hoàn thi n và cho ra m t các s n ph m m i nh tro bay, vôi công nghi p.

*** V tiêu th .**

N m 2013 s ti p t c là n m th tr ng tiêu th xi m ng c nh tranh kh c li t do cung cao h n c u, do v y hoàn thành m c tiêu tiêu th ã ra, ngoài vi c ti p t c phát huy nh ng vi c ã làm t t, kh c ph c nh ng t n t i c a n m 2012, c n t p trung th c hi n t m t s n i dung chính sau :

- Tỉ p t c sàng l c, l a ch n t i n t i hoàn thi n h th ng nhà phân ph i, hi p h i nhà phân ph i có n ng l c, có tâm huy t, g n bó cùng Công ty.

- Nâng cao n ng l c thu th p và x lý thông tin th tr ng; k p th i xây d ng, xu t th c hi n c ch , chính sách phù h p ph c v t t công tác tiêu th trong t ng th i k , t ng vùng. c bi t quan tâm c ng c và phát tri n th tr ng Ngh An, m r ng th tr ng m c tiêu Thanh Hóa, Hà T nh, m r ng th tr ng xu t kh u xi m ng sang Lào.

- Tỉ p t c m r ng th tr ng tiêu th s n ph m, a xi m ng vào các công trình l n nh : khu kinh t Nghi S n, khu kinh t V ng Áng, các d án th y i n...

- Tìm m i bi n pháp gi u th c nh tranh và t ng s n l ng t i th tr ng c t lõi Ngh An, th tr ng m c tiêu Thanh Hóa, Hà T nh.

- Tỉ p t c y m nh công tác tiêu th t i a bàn nhà máy, phát tri n h th ng i lý trên th tr ng, nâng cao t tr ng xi m ng tiêu th trong kh i dân sinh, t ng c ng m r ng và gi v ng th tr ng ã có, c bi t là th tr ng c t lõi (khu v c Ngh An), th tr ng m c tiêu (Thanh Hóa, Hà T nh); nghiên c u b sung th tr ng m c tiêu t ng b c a s n ph m thâm nh p th tr ng nh m chu n b cho m r ng công su t s n xu t c a nhà máy. Nâng cao s c c nh tranh nh m phát huy h t n ng l c c a dây chuy n s n xu t em l i hi u qu kinh t cao. Tìm ki m th tr ng xu t kh u xi m ng, coi ây là nh h ng quan tr ng ón u l i th khi C ng n c sâu Nghi S n, ông H i i vào ho t ng. Có c th tr ng xu t kh u là i u ki n kh thi kh o sát, m r ng công su t s n xu t c a nhà máy.

- y m nh công tác xu t kh u xi m ng sang Lào.

- T ng c ng công tác ch m sóc các khách hàng, các nhà phân ph i, t o s g n bó thân thi n gi a Công ty v i khách hàng.

- Th c hi n chính sách chi t kh u, khuy n m i linh ho t theo tình hình th tr ng. T ch c ánh giá n ng l c CBCNV làm công tác tiêu th l a ch n và s p x p i ng tiêu th có n ng l c. M l p h c v v n hóa giao tí p cho CBCNV tiêu th .

- Xây d ng, tuy n ch n nhà phân ph i c quy n tiêu th s n ph m xi m ng Hoàng Mai.

- T ng c ng công tác qu n lý công n .

- Tách công tác tiêu thụ các sản phẩm phân bón xây dựng, gạch block, bê tông thành doanh thu, lợi nhuận. /.

- Áp dụng các biện pháp khuyến khích tiêu thụ xi măng rì, xi măng PCB30 nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, tăng phần vào khu vực dân sinh tại các huyện miền Tây và bàn Thanh - Nghệ - Tĩnh và Bình Trị Thiên.

- Ủy mnh công tác quản lý và tiêu thụ sản phẩm mica Công ty nh xi măng b n sunfat, tro bay, vôi công nghiệp.

- Ưu tiên ứng dụng cho công tác chăm sóc khách hàng, xử lý nhanh các thắc mắc giao nhận hàng tại nhà máy và các khu vực liên quan của khách hàng.

- Tích cực tranh thủ xã hội, giúp của Công ty, tăng cường h n n a s p h p v i các n v thành viên của Công ty trong vị trí thể hiện phát triển thị trường của Công ty và thể hiện chỉ số kinh doanh chung trong toàn Công ty.

* Công tác tài chính.

- Kiểm soát chặt chẽ vị trí thể hiện ngân sách của Công ty, các n v trong Công ty.

- Thể hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chi tiêu công nhân bán hàng không có n x u.

- S d n g l i n h h o t, c ó h i u q u n g v n t n g h i u q u h o t n g t à i c h í n h.

- Cần kiểm soát tín dụng ngân hàng và phân tích vay và phân tích SXKD. Quản lý dòng tiền, giảm vay ngân hàng, tích cực các khoản vay ngân hàng có lãi suất cao và thường xuyên tìm kiếm các gói tín dụng có lãi suất vay ưu đãi giảm chi phí tài chính.

* Các biện pháp khác :

- Thể hiện trong toàn công ty theo khu vực hành động ‘Kế hoạch, trách nhiệm và hiệu quả tăng thu nhập’.

- Tích cực nâng cao chất lượng công nhân lao động tăng các lĩnh vực thông qua vị trí khai thác khóa đào tạo tích cực, đào tạo trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

- Tích cực thể hiện các nội dung công việc liên quan công tác xây dựng sản phẩm công nghiệp và giấy phép khai thác mỏ Hoàng Mai B; hoàn thành dự án sản xuất tro bay, vôi công nghiệp; khởi công xây dựng

khu chuyên gia ông H i; hoàn thiện các thiết kế khu đô thị công nhân XMHM tại xã Quỳnh Vinh.

- Thực hiện tốt công tác an toàn và sinh sản, an ninh trật tự, phòng cháy nổ trong công ty. Xây dựng kho nhiên liệu, xây dựng văn hóa công ty.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách cho CBCNV trong Công ty, mobilizing tinh thần.

- Tổ chức, công đoàn cùng chuyên môn phối hợp chặt chẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua, tiết kiệm chi phí, trong toàn công ty và đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2013 đã đề ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

- Nhận xét về năm qua:

+ Sản lượng xi măng tiêu thụ năm 2012 của Công ty tăng trưởng 3,7% so với năm 2011. Về thu hồi công nợ xi măng, clinker cuối năm thực hiện tốt, đạt 94%.

+ Năm 2012, Công ty thực hiện có hiệu quả việc sản xuất kinh doanh sản phẩm phôi má xây dựng, bê tông thương phẩm, gạch block; việc sản xuất má xây dựng và gạch block, Công ty đã thực hiện tiêu thụ sản phẩm cao hơn nhiều so với năm 2011 và vượt xa mục kế hoạch năm 2012 đề ra.

+ Năm bắt kịp thị trường thông tin và thị trường các địa bàn, trên cơ sở có kế hoạch xuất xứ giá bán, khuyến mãi linh hoạt phù hợp với các đơn vị trong Tổng công ty kích thích các nhà phân phối, các đại lý bán lẻ tiêu thụ sản phẩm.

+ Tích cực củng cố hệ thống nhà phân phối thị trường cốt lõi, thị trường mục tiêu, hợp tác với nhà phân phối xi măng Vicem Hoàng Mai tại Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh hoạt động có hiệu quả.

+ Chuyển hướng các sản phẩm, tiêu thụ xi măng rời và xi măng PCB30 nhằm tận dụng hiệu quả kinh doanh, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

+ Kiên trì và nâng cao hiệu quả chiến lược marketing bán hàng, đánh giá hiệu quả bán hàng thông qua kết quả tiêu thụ thị trường địa bàn.

+ Cán bộ công nhân viên Công ty luôn đoàn kết, quy tụ tâm cùng phấn đấu hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

+ Tiết kiệm chi phí hợp lý các khách hàng, bán hàng, các bất động sản
hơn 28 triệu chi phí tài chính so với ngân sách được phê duyệt.

+ Công tác xuất theo đúng hướng dẫn của HĐQT, làm tốt công tác
đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

- Nhiệm vụ còn tồn tại:

Tìm kiếm và bàn chuyển các lợi nhuận cho Nhà phân phối kinh
doanh xí nghiệp Vicem Hoàng Mai ngang bằng với các công ty xí nghiệp
khác.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Ban Tổng
Giám đốc Công ty:*

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ công việc riêng biệt
của Công ty;

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc có đạo đức và
chuyên môn;

- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc - quản lý
chi nhánh Công ty;

- Báo cáo đúng quy định của các công ty và ngành nghề có liên
quan đến Công ty;

- Giám sát hiệu quả hoạt động của các cán bộ quản lý thông qua các
cuộc họp tuần, tháng, quý, năm và các hình thức khen thưởng, kỷ luật;

- Lập và theo dõi kế hoạch hoạt động cho Công ty, phân bổ trách
nhiệm giữa các thành viên;

- Tham gia ý kiến và tích cực trong các kế hoạch kinh doanh bất
thành của Ban Tổng Giám đốc;

- Thảo luận và đưa ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể quy định những
vấn đề quản lý, công ty trong các cuộc họp;

- Tuân thủ theo đúng trình tự quy định và khi quy định những vấn
đề quản lý xuất sắc nhất trí nhất.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và cần áp dụng các
chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các xét đoán và các tính toán cách hợp lý và thận trọng;

- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả
cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhất minh bạch rõ
ràng và gian lận;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục

3. Các khối lượng, nhu cầu của Hội đồng quản trị

a. Sản lượng sản xuất:

- Sản xuất clinker : 1.270.000 tấn
- Sản xuất xi măng : 1.400.000 tấn
- Sản xuất đá xây dựng : 350.000 m³
- Sản xuất gạch block : 15 triệu viên
- Sản xuất bê tông thương phẩm : 30.000 m³

b. Sản lượng xi măng, clinker tiêu thụ : 1.480.000 tấn

- Sản lượng xi măng tiêu thụ : 1.400.000 tấn
- Sản lượng clinker tiêu thụ : 80.000 tấn

c. Doanh thu từ xi măng, clinker : 1.482 triệu đồng

d. Doanh thu từ sản phẩm phụ : 69 triệu đồng

e. Lợi nhuận : 90 triệu đồng

f. Nợ ngân sách : 82 triệu đồng

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị: Thành phần HĐQT gồm 07 thành viên

Ông: Tô Quang Bình : Chủ tịch HĐQT – không tham gia điều hành;

Ông: Nguyễn Trường Giang : UV HĐQT – Tổng Giám đốc điều hành;

Ông: Nguyễn Công Thành : UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;

Ông: Nguyễn Công Hoà : UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;

Ông: Hoàng Xuân Vinh : UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc; miễn nhiệm

từ ngày 15/06/2012.

Ông: Nguyễn Quốc Việt : UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;

Ông: Phạm Hoàng Sơn : UV HĐQT – không tham gia điều hành.

TT	H và tên	Chức danh	Mức thù lao	Tháng	Giá trị
1	T. Quang B u	Ch t.ch H QT	6.000.000	12	72.000.000
2	Nguy n Tr ng Giang	U_ viên H QT	5.000.000	12	60.000.000
3	ng T ng C ng	U_ viên H QT	5.000.000	12	60.000.000
4	Nguy n Công Hoà	U_ viên H QT	5.000.000	12	60.000.000
5	Hoàng Xuân V_ nh	U_ viên H QT	5.000.000	5,5	27.500.000
6	Ph_ m Hoàn S_ n	U_ viên H QT	5.000.000	12	60.000.000
7	Nguy n Qu_ c Vi_ t	U_ viên H QT	5.000.000	12	60.000.000
9	Tr_ n Trung T_ i	Tr_ ng BKS	5.000.000	12	60.000.000
10	Nguy n Huy Vinh	Thành viên BKS	4.000.000	03	12.000.000
11	Nguy n Quang i_ n	Thành viên BKS	4.000.000	03	12.000.000
12	Nguy n H_ u Th_ t	Thành viên BKS	4.000.000	09	36.000.000
13	Tr_ n Anh Tú	Thành viên BKS	4.000.000	09	36.000.000
14	Thái Huy Ch_ ng	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
15	Lê V_ n Chiên	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
	T_ ng c_ ng:				651.500.000

b. Giao d_ ch c_ phi_ u_ c_ a_ c_ ông_ n_ i_ b_ :

Ông Ph_ m Hoàn S_ n - y_ viên H_ QT Công ty CP xi_ m_ ng Vicem
Hoàng Mai ã bán 250.000 c_ phi_ u_ . C_ th_ :

- S_ l_ ng c_ phi_ u_ n_ m_ gi_ tr_ c_ khi th_ c_ hi_ n_ giao d_ ch: 250.000 CP (t_ l_ 0,36%)
- S_ l_ ng c_ phi_ u_ ng_ ký bán: 250.000 CP
- S_ l_ ng c_ phi_ u_ ã bán: 250.000 CP
- S_ l_ ng c_ phi_ u_ n_ m_ gi_ sau khi th_ c_ hi_ n_ giao d_ ch: 0 CP (t_ l_ 0%)
- Ngày b_ t_ u_ giao d_ ch: 28/05/2012
- Ngày k_ t_ thúc giao d_ ch: 28/06/2012.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai tính ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam và trình bày báo cáo tài chính.

Không phát hiện ý kiến nêu trên chúng tôi xin lưu ý riêng về Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

Như đã nêu tại mục Chi phí trả trước dài hạn trong thuyết minh số 3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Năm 2012 là năm ưu tiên Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh giá trị của các lợi ích tiềm ẩn theo thời gian sử dụng được tính dựa trên đánh giá của bộ phận kế thu thuế về thời gian sử dụng hữu ích của các lợi ích tiềm ẩn này là 3 năm. Trong năm 2012 công là năm ưu tiên Công ty ghi nhận và phân bổ giá trị chi phí sản phẩm lần đầu tiên hàng năm sản phẩm đã hoàn thành trong năm và các bộ phận kế thu thuế đánh giá có thể thời gian sử dụng trên 3 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh kết thúc năm hoàn thành sản phẩm theo hướng dẫn tại thông tư 203/2009/TT-BT (trong các năm trước Công ty ghi nhận toàn bộ giá trị của các lợi ích tiềm ẩn khi xuất dùng của tài sản đã quy định toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính).

2. Báo cáo tài chính c kì m toán

B NG CÂN IK TOÁN
T i ngày 31 tháng 12 n m 2012

M U S B 01a - DN
n v tính: VND

TÀI S N	Mã s	Thuy t minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI S N NG NH N (100 = 110+120+130+140+150)	100		713,279,600,128	599,411,575,529
I. Tì n	110	4	101,497,734,557	142,720,480,326
1. Tì n	111		101,497,734,557	41,420,480,326
2. Các kho n t ng ng tì n	112		-	101,300,000,000
II. Các kho n u t tài chính ng n h n	120		27,355,000,000	30,355,000,000
1. u t ng n h n	121	5	27,355,000,000	30,355,000,000
III. Các kho n ph i thu ng n h n	130		157,139,633,834	73,659,197,828
1. Ph i thu c a khách hàng	131		143,758,967,584	65,342,038,719
2. Tr tr c cho ng i bán	132		9,407,173,717	4,877,768,154
5. Các kho n ph i thu khác	135	6	6,631,931,865	4,768,610,621
6. D phòng các kho n ph i thu khó òi	139		(2,658,439,332)	(1,329,219,666)
IV. Hàng t n kho	140	7	422,436,692,723	350,013,712,972
1. Hàng t n kho	141		425,014,596,128	352,732,758,736
2. D phòng gi m giá hàng t n kho	149		(2,577,903,405)	(2,719,045,764)
V. Tài s n ng n h n khác	150		4,850,539,014	2,663,184,403
1. Chi phí tr tr c ng n h n	151	8	2,376,227,167	147,635,998
3. Tài s n ng n h n khác	158	9	2,474,311,847	2,515,548,405
B. TÀI S N DÀI H N (200=220+250+260)	200		1,431,552,541,517	1,522,088,191,306
II. Tài s n c nh	220		1,376,190,622,207	1,478,915,945,128
1. Tài s n c nh h u hình	221	12	1,370,082,259,248	1,474,562,537,148
- Nguyên giá	222		2,760,807,209,510	2,746,806,655,127
- Giá tr hao mòn lu k	223		(1,390,724,950,262)	(1,272,244,117,979)
3. Tài s n c nh vô hình	227		230,037,420	35,745,989
- Nguyên giá	228		516,315,370	276,929,770
- Giá tr hao mòn lu k	229		(286,277,950)	(241,183,781)
4. Chi phí xây d ng c b n d đang	230	10	5,878,325,539	4,317,661,991
V. Tài s n dài h n khác	260		55,361,919,310	43,172,246,178
1. Chi phí tr tr c dài h n	261	11	55,361,919,310	43,172,246,178
2. Tài s n thu thu nh p DN hoãn l i	262		-	-
3. Tài s n dài h n khác	268		-	-
T NG TÀI S N (270=100+200)	270		2,144,832,141,645	2,121,499,766,835

B NG CÂN IK TOÁN

T i ngày 31 tháng 12 n m 2012

NGU NV N	Mã s	Thuy t minh	31/12/2012	01/01/2012
A. N PH I TR (300 =310+330)	300		1,213,163,238,055	1,209,224,652,716
I. N ng nh n	310		871,445,089,006	765,423,180,426
1. Vay và n ng nh n	311	13	607,069,780,331	486,606,419,221
2. Ph i tr cho ng i bán	312		150,730,387,205	98,671,772,442
3. Ng i mua tr ti n tr c	313		2,537,154,168	4,744,176,618
4. Thu và các kho n ph i n p Nhà n c	314	14	18,306,097,827	21,892,849,721
5. Ph i tr ng i lao ng	315		22,779,196,133	29,015,127,472
6. Chi phí ph i tr	316	15	27,719,043,686	25,058,375,945
9. Các kho n ph i tr , ph i n p khác	319	17	31,004,092,645	96,011,334,980
11. Q y khen th ng phúc l i	323		11,299,337,011	3,423,124,027
II. N dài h n	330		341,718,149,049	443,801,472,290
4. Vay và n dài h n	334	16	326,227,277,494	432,339,829,732
5. Thu thu nh p hoãn l i ph i tr	335	18	15,490,871,555	10,315,252,777
6. D phòng tr c p m t vi c làm	336		-	1,146,389,781
B. V N CH S H U (400 = 410)	400		931,668,903,590	912,275,114,119
I. V n ch s h u	410	19	931,668,903,590	912,275,114,119
1. V n ut c ach s h u	411		720,000,000,000	720,000,000,000
2. Th ng d v n c ph n	412		19,138,086,811	19,138,086,811
4. C phi u qu	414		(28,199,462,462)	(28,199,462,462)
7. Qu ut phát tri n	417		85,906,072,577	55,515,590,959
8. Qu d phòng tài chính	418		22,114,914,693	15,636,084,781
11. L i nhu n sau thu ch a phân ph i	420		112,709,291,971	130,184,814,030
T NG C NG NGU NV N (440=300+400)	440		2,144,832,141,645	2,121,499,766,835

BÁO CÁO K T QU HO T NG KINH
 Cho n m tài chính k t thúc t i ngày 31/12/2012

M U

S B 02a - DN

n v tính: VN

CH TIÊU	Mã s	Thuy t minh	N m 2011	N m 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung c p d ch v	01		1,476,531,731,155	1,650,775,529,903
2. Các kho n gi m tr	02		64,511,160,064	124,199,851,886
3. Doanh thu thu n bán hàng và cung c p d ch v (10=01-02)	10	20	1,412,020,571,091	1,526,575,678,017
4. Giá v n hàng bán	11	21	1,018,885,203,602	1,168,408,507,847
5. L i nhu n g p bán hàng và cung c p d ch v	20		393,135,367,489	358,167,170,170
6. Doanh thu ho t ng tài chính	21	22	5,164,380,647	4,344,283,821
7. Chi phí tài chính	22	23	117,767,535,579	103,665,209,517
<i>Trong ó: Chi phí lãi vay</i>		23	110,550,365,120	103,372,878,328
8. Chi phí bán hàng	24		65,065,098,979	65,727,433,327
9. Chi phí qu n lý doanh nghi p	25		68,661,037,938	65,393,479,320
10. L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		146,806,075,640	121,725,331,821
11. Thu nh p khác	31		7,114,475,708	7,971,544,564
12. Chi phí khác	32		2,398,461,289	3,237,993,368
13. L i nhu n khác (40=31-32)	40		4,716,014,419	4,733,551,196
14. T ng l i nhu n k toán tr c thu (50=30+40)	50		151,522,090,059	132,458,883,023
15. Chi phí thu thu nh p doanh nghi p hi n hành	51	24	16,767,614,604	14,573,972,274
16. Chi phí thu thu nh p doanh nghi p hoãn l i	52	25	5,177,877,209	5,175,618,778
17. L i nhu n sau thu (60=50-51-52)	60		129,576,598,246	112,709,291,971
18. Lãi c b n trên c phí u	70	26	1,868	1,628

Hoàng Mai, ngày tháng 03 n m 2013

T NG GIÁM C

Nguy n Tr ng Giang